

Số: 534/STTTT-BCVT

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 6 năm 2015

Hướng dẫn thẩm định tiêu chí số 8
về xây dựng nông thôn mới.

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng Văn hóa thông tin các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông.

Căn cứ Quyết định số 463/QĐ - BTTTT ngày 22/3/2012 của Bộ thông tin và Truyền thông ban hành Hướng dẫn thực hiện tiêu chí ngành Thông tin và Truyền thông về xây dựng nông thôn mới;


Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 13/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 ngày 02/5/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành tạm thời các tiêu chí nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ hướng Dẫn 597/HD-BXDNTM ngày 22/11/2013 của ban Xây dựng Nông thôn mới về việc hướng dẫn hồ sơ xét, công nhận địa phương đạt tiêu chí nông thôn mới;

Trên cơ sở (Tiêu chí số 8. Bưu điện) Sở Thông tin và Truyền thông gửi các địa phương Hướng dẫn thẩm định tiêu chí ngành Thông tin và Truyền thông về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh (đính kèm văn bản này).

Trong quá trình thẩm định, nếu có vướng mắc đề nghị các địa phương thông tin về số máy điện thoại 0333 638 955 hoặc 0912182558 gặp đồng chí Ngô Thị Sợi – Phó phòng bưu chính viễn thông, Sở Thông tin và Truyền thông.

Trân trọng./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Ban Xây dựng Nông thôn mới;
- Lưu: VT, BCVT.

KT. GIÁM ĐỐC
P. GIÁM ĐỐC



Phạm Hồng Lan

HƯỚNG DẪN

Thực hiện tiêu chí ngành Thông tin và Truyền thông

(Tiêu chí số 8. Bưu điện)

về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Kèm theo Công văn số 534/STTTT-BCVT ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Sở thông tin và Truyền thông)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Nội dung tiêu chí

Tiêu chí về nông thôn mới ngành Thông tin và Truyền thông quy định tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, bao gồm 2 nội dung:

- Xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông;
- Xã có internet đến thôn.

2. Giải thích từ ngữ

Trong hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông* là điểm cung cấp một/hoặc cả hai dịch vụ; dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông công cộng. Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông gồm có:

- + Điểm phục vụ bưu chính;
- + Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng.

- *Dịch vụ bưu chính* là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi bằng các phương thức từ địa điểm của người gửi đến địa điểm của người nhận qua mạng bưu chính, trừ phương thức điện tử.

- *Dịch vụ viễn thông* là dịch vụ gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin giữa hai hoặc một nhóm người sử dụng dịch vụ viễn thông, bao gồm dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng.

- *Điểm phục vụ bưu chính* là nơi chấp nhận, phát bưu gửi, gồm: bưu cục, ki ốt, đại lý, thùng thư công cộng và hình thức khác thuộc mạng bưu chính công cộng để chấp nhận, phát bưu gửi.

- *Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng* là địa điểm do doanh nghiệp viễn thông trực tiếp quản lý, khai thác để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ, bao gồm điểm cung cấp dịch vụ có người phục vụ và điểm cung cấp dịch vụ không có người phục vụ. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng bao gồm cả các đại lý dịch vụ viễn thông của doanh nghiệp viễn thông (các điểm bán sim, thẻ, điện thoại...).

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông

1.1. Tiêu chuẩn về điểm phục vụ bưu chính

a) Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất

* *Đối với điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ:*

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu cung ứng và sử dụng dịch vụ (tùy theo mô hình của từng loại điểm phục vụ bưu chính và điều kiện thực tế của địa phương); (các xã không có bưu cục, ki ốt, đại lý, thùng thư công cộng của ngành Bưu điện thì nên bố trí một phòng riêng hoặc kết hợp phòng văn

thư của UBND xã để nhân viên Bưu tá xã của ngành Bưu điện thực hiện các dịch vụ bưu chính là đáp ứng yêu cầu Điểm phục vụ bưu chính).

- Có treo biển tên điểm phục vụ;
- Có treo số hiệu điểm phục vụ (nếu có);
- Niêm yết giờ mở của phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.

** Đối với điểm phục vụ bưu chính là thùng thư công cộng*

- Được thiết kế lắp đặt tại vị trí thuận tiện, dễ tiếp cận và đảm bảo an toàn cho người gửi thư, không làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng;

- Thống nhất về kích thước, màu sắc và làm bằng vật liệu chắc chắn, khó cậy phá và đảm bảo mỹ quan;

- Có hệ thống khóa riêng và phải có khe hở ngang đủ để bỏ thư; khe hở này phải được thiết kế theo hướng dốc ra ngoài và có thiết kế phù hợp để ngăn cản việc móc thư ra từ khe hở đó; vị trí của khe hở phải đặt ở bên dưới nóc thùng thư;

- Trên thùng thư có các thông tin về tên đơn vị quản lý, tên bưu cục; ngày giờ, số lần mở thùng thư trong ngày.

b) Tiêu chuẩn về dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ bưu chính

- Tối thiểu phải cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập và dịch vụ phát hành báo chí công ích, trừ điểm phục vụ là thùng thư công cộng;

- Thời gian phục vụ tối thiểu là 4 giờ/ngày làm việc;

- Tần suất thu gom bưu gửi tối thiểu thu gom 01 lần/ngày làm việc, trừ các vùng có điều kiện địa lý đặc biệt quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTTTT ngày 13/3/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

1.2 Tiêu chuẩn về điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng

a) Tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng

Xã được kết nối truyền dẫn băng rộng đa dịch vụ.

b) Tiêu chuẩn về dịch vụ tại điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng

Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng cần đảm bảo khả năng truy nhập dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ, cung cấp tốt thiểu một trong các dịch vụ sau:

- Dịch vụ điện thoại cố định mặt đất nội hạt;

- Dịch vụ truy nhập internet có tốc độ tối thiểu là 256kb/s.

c) Tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ viễn thông

- Chất lượng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất nội hạt đáp ứng tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất, Mã số QCVN 35:2011/BTTTT;

- Chất lượng dịch vụ truy nhập internet đáp ứng tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập internet ADSL, Mã số QCVN 34:2011/BTTTT.

1.3. Xét công nhận xã đạt tiêu chí về điểm phục vụ bưu chính, viễn thông

a) Xã có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông là xã có ít nhất 01 (một) điểm phục vụ bưu chính, viễn thông để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông của các tổ chức, cá nhân tại địa phương. Trong trường

hợp xã chỉ có một điểm phục vụ bưu chính, viễn thông thì điểm phục vụ đó phải có khả năng đồng thời cung ứng dịch vụ bưu chính và dịch vụ viễn thông công cộng.

Trường hợp xã không có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng, nếu có ít nhất 30% số hộ gia đình trong xã có thuê bao riêng sử dụng dịch vụ viễn thông thì được coi là đạt tiêu chí về điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng.

b) Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông phải đáp ứng theo các tiêu chuẩn theo *Mục 1.1. Tiêu chuẩn về điểm phục vụ bưu chính* và *Mục 1.2. Tiêu chuẩn về điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng* của Hướng dẫn này.

2. Xã có internet đến thôn

2.1. Tiêu chuẩn về xã có internet đến thôn

a) Tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng:

Xã có internet đến thôn là xã có hạ tầng kỹ thuật viễn thông sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển thuê bao cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ truy nhập internet ở các thôn trong xã đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại *Mục b Tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ truy nhập internet*.

b) Tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ truy nhập internet

Chất lượng dịch vụ truy nhập internet đáp ứng theo tiêu chuẩn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập internet ADSL, Mã số QCVN 34:2011/BTTTT.

2.2 Xét công nhận xã đạt tiêu chí có internet đến thôn

Xã được công nhận đạt tiêu chí có internet đến thôn khi có ít nhất 30% số thôn thuộc xã đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Có hạ tầng kỹ thuật viễn thông đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập internet cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn thôn đạt tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nêu tại *Mục 2.1 Tiêu chuẩn về xã có internet đến thôn* Hướng dẫn này;

b) Có các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng (dịch vụ truy nhập internet) đạt tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nêu tại *Mục 2.1 Tiêu chuẩn về xã có internet đến thôn* Hướng dẫn này.